TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **224/**2024/HNGĐ-ST
Ngày 14/8/2024
"Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lương Thanh Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Việt Phương.
2. Bà Ma Thị Như Trang.

- *Thư ký phiên toà:* Bà Ma Thị Thu Hoài - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa*: Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang mở phiên toà xét xử sơ thẩm theo hình thức số hoá, công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2024 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 33/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Ngọc Thị L, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Thôn 5 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

* *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Thôn 5 Minh Quang, xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị L có đơn xin vắng mặt tại phiên toà; anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Ngọc Thị L trình bày: Về quan hệ hôn nhân, chị và anh Hoàng Văn Q có quan hệ vợ chồng hợp pháp, anh chị tự do tìm hiểu và tự nguyện kết hôn, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 29/12/2000. Sau khi kết hôn chị và anh Q chung sống tại thôn 5 Minh Quang, xã M, huyện H. Vợ chồng chung sống hoà thuận đến đầu năm 2023 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2023 đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, chị không còn tình cảm với anh Q, chị đề nghị Toà án cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Chị Ngọc Thị L xác định, chị và anh Hoàng Văn Q có 02 con chung, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001; cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010. Khi ly hôn chị nhất trí để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Quốc C. Chị không cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Thị T hiện nay đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động và sống tự lập nên chị không đề nghị Toà án giải quyết việc nuôi con chung đối với cháu T.

Về tài sản, đất đai và vay nợ chung: Chị Ngọc Thị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Hoàng Văn Q không đến Toà án để làm việc, Toà án tiến hành lấy lời khai của anh Q tại địa phương nơi anh Q đang cư trú có sự chứng kiến của Trưởng thôn, xác minh, tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/5/2024 đối với bị đơn Hoàng Văn Q, anh Q khai nội dung: Anh và chị Ngọc Thị L có quan hệ vợ chồng hợp pháp, tư nguyện kết hôn, khi kết hôn có đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống đến tháng 3/2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Anh có nguyện vọng vợ chồng hoà giải để đoàn tụ, anh không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh Hoàng Văn Q xác định, anh và Chị L có 02 con chung, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001; cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Quốc C, không yêu cầu Chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Hoàng Thị T hiện nay đã trên 18 tuổi có khả năng lao động và sống tự lập, anh không yêu cầu giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu T.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Hoàng Văn Q xác định, anh và chị Ngọc Thị L không có tài sản chung, không có vay nợ chung, không đề nghị Toà án giải quyết.

Đồng thời, anh Q trình bày anh có nhận được các văn bản của Toà án gửi nhưng vì không muốn ly hôn nên anh không đến Toà án làm việc.

Kết quả xác minh qua xác minh tại thôn 5 Minh Quang, xã M, huyện H nơi Chị L và anh Q cư trú, ông Đặng Anh Tú, Trưởng thôn 5 Minh Quang cung cấp nội dung thông tin: Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q là công dân cư trú tại thôn, anh Q và Chị L có quan hệ hôn nhân hợp pháp, kết hôn từ năm 2000. Anh Q và Chị L ở riêng, vợ chồng chung sống đến năm 2023 thì thấy có mâu thuẫn, Chị L không về nhà ở cùng anh Q nữa. Chị L và anh Q có 02 con chung cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001; cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010; cháu T đã trên 18 tuổi, cháu C hiện đang ở với anh Q, do anh Q nuôi dưỡng. Việc giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung của Chị L và anh Q thôn không có ý kiến gì. Các nội dung giải quyết ly hôn giữa Chị L và anh Q Toà án giải quyết theo quy định, địa phương không có ý kiến gì.

Cháu Hoàng Quốc C trình bày ý kiến: Nếu bố mẹ ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì cháu muốn được ở với bố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Ngọc Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Q. Giao cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q chưa có yêu cầu; Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở; cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001, nay đã trên 18 tuổi, anh Q và Chị L không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu T nên không đề nghị giải quyết. Chị L và anh Q đều xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có vay nợ chung, Chị L không đề nghị giải quyết về phần tài sản chung, vay nợ chung nên không đề nghị xem xét. Chị Ngọc Thị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn Q không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Ngọc Thị L; Biên bản lấy lời khai đối với anh Hoàng Văn Q và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, ngày 29 tháng 12 năm 2000. Quá trình chung sống đến đầu năm 2023 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay không còn quan hệ tình cảm. Anh Q có ý kiến không muốn ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Nhưng thực tế, anh Q và Chị L không còn chung sống với nhau, vợ chồng không có sự gắn kết. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị L và anh Q không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ngọc Thị L, xử cho Chị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

[2] Về con chung: Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q có 02 con chung, cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001; cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010. Cháu Hoàng Thị T đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, Chị L và anh Q đều không đề nghị giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu T. Cháu Hoàng Quốc C, từ khi Chị L và anh Q sống ly thân cháu C ở với anh Q, do anh Q nuôi dưỡng, cháu C được chăm sóc và được đi học. Cháu C có nguyện vọng nếu bố mẹ ly

hôn cháu muốn được ở với bố. Anh Q có ý kiến đề nghị được là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, Chị L cũng có quan điểm đồng nhất với anh Q và cháu C. Vì vậy, giao cháu Hoàng Quốc C cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q chưa có yêu cầu, Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, đất đai, vay nợ chung: Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q đều xác định không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn Q không đến Toà án để làm việc theo giấy báo gọi, tại biên bản lấy lời khai của anh Q, anh Q xác nhận có nhận được các văn bản của Toà án nhưng vì không muốn ly hôn nên anh Q không đến Toà án làm việc. Việc anh Q không đến Toà án để làm việc thể hiện ý thức không tuân thủ các quy định của pháp luật, không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của đương sự, cố ý không đến để gây khó dễ cho Chị L. Toà án giải quyết vụ án trong trường hợp vắng mặt một bên đương sự theo quy định.

Chị Ngọc Thị L có đơn xin vắng mặt tại phiên toà, việc Chị L xin vắng mặt là quyền được pháp luật quy định.

[5] Về án phí: Chị Ngọc Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng Chị L là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với Chị L.

Anh Hoàng Văn Q không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngọc Thị L được ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Giấy chứng nhận kết hôn số 21 do Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Tuyên Quang, cấp ngày 29 tháng 12 năm 2000 cho chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Quốc C, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2010 cho anh Hoàng Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom, chăm sóc. Chị Ngọc

Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh Q chưa có yêu cầu. Chị L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn theo quy định.

Cháu Hoàng Thị T, sinh ngày 01 tháng 8 năm 2001, đã trên 18 tuổi, có khả năng lao động, sống tự lập. Không giải quyết về phần nuôi con chung đối với cháu Hoàng Thị T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm đối với chị Ngọc Thị L.

Anh Hoàng Văn Q không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Ngọc Thị L và anh Hoàng Văn Q vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- UBND xã M (nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lương Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đàm Thị Kim Duyên - Trần Thị Vân Anh **Lương Thanh Huyền**